

Bản án số: 39/2021/HS-ST  
Ngày 28-5-2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Kiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Văn Khương;

Ông Trần Ngọc Hải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kiều Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2021/TLST-HS, ngày 02 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07b/2021/HSST-QĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

NVB, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1983 tại Hải Phòng; ĐKNKTT: số nhà 5/35 đường A, phường A, quận B, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số nhà 54/51, đường C, phường A, quận B, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D (đã chết) và bà E; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 17-7-2020, hiện tại ngoại; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Ông NLQ1, sinh năm 1948; địa chỉ: Số nhà 152/224 F, phường G, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị NLQ2, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 15/14 tổ dân phố I, phường J, quận K, Hải Phòng; vắng mặt.

**- Người làm chứng:** Ông NLC1, ông NLC2 và bà NLC3; đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

NVB có chị gái là L, sinh năm 1978 bị bệnh và chết vào năm 2015. Trước khi chết chị L có sở hữu hai căn nhà số 5/35 và 6/35 đường A, phường A, quận B. Năm 2018, Ủy ban nhân dân quận B thực hiện dự án phố đi bộ M đã thu hồi hai căn nhà trên để giải phóng mặt bằng và có chủ trương đền bù bằng đất tái định cư cho căn nhà số 6/35 A còn căn nhà số 5/35 A không thuộc diện được đền bù hỗ trợ tái định cư. Chị L chết không để lại di chúc nên những người được hưởng thừa kế gồm: Hai con của chị L (cháu N, sinh năm 2002 và cháu O, sinh năm 2004) và mẹ đẻ của chị L là bà E. Chị L có chồng là anh NLC2 nhưng đã ly hôn và giải quyết xong về mặt tài sản nên anh NLC2 không thuộc diện thừa kế hai căn nhà trên.

Vì hai con của chị L là các cháu N và O còn nhỏ, bà E thì già yếu, không có việc làm và thu nhập nên NVB muốn bán quyền sở hữu hai căn nhà số 6/35 và 5/35 A, B lấy tiền để dành cho hai cháu N, O và để cho bà E chữa bệnh. Vì vậy ngày 18-7-2018 NVB đã viết giấy biên nhận để nhận đặt cọc cho việc chuyển nhượng lại hai căn nhà số 6/35 và 5/35 cho chị NLC3; trú tại: 30 A, B với số tiền 1.220.000.000 (*một tỷ hai trăm hai mươi triệu*) đồng. Trong khi NVB chưa hoàn thiện thủ tục bán hai căn nhà trên thì ngày 08-4-2019, anh NLC2 đại diện cho hai con của mình đã khởi kiện chia di sản thừa kế đối với hai căn nhà nêu trên tại Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng. Do có tranh chấp quyền sở hữu nên ngày 08-5-2019, NVB đã nộp cho Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng bản Hợp đồng tặng cho số 0875 ngày 30-11-2014 với nội dung: Chị L tặng căn nhà số 6/35 A cho NVB. Khi nộp bản Hợp đồng tặng cho trên cho Tòa án, NVB nhận thức rõ được nội dung của bản Hợp đồng tặng cho trên là giả và được làm sau khi chị L đã chết.

Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự do anh NLC2 khởi kiện, Tòa án quận Hồng Bàng nhận thấy có dấu hiệu bản Hợp đồng tặng cho NVB nộp Tòa án là hợp đồng giả nên đã chuyển Hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng để điều tra làm rõ về hành vi của NVB.

Sau khi Cơ quan điều tra tiến hành xác minh giải quyết tin báo, tố giác tội phạm thì ngày 06-9-2019 NVB đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Hồng Bàng đầu thú và khai nhận: Bản Hợp đồng tặng cho NVB nộp tại Tòa án là Hợp đồng giả, được lập sau khi chị L đã chết, mục đích của NVB để chứng minh quyền sở hữu căn nhà số 6/35 A, B và để giữ tài sản cho hai cháu là N, O và bà E, đồng thời giải thích về nguồn gốc hợp đồng công chứng giả tặng cho là của NLC1 đưa cho NVB.

Về phía Văn phòng công chứng NLQ1 (là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự kể trên): Ngày 22-5-2019, ông NLQ1 là Trưởng Văn phòng Công chứng P (nay đổi tên thành Văn phòng công chứng NLQ1) đã giao nộp cho Tòa án bản Hợp đồng tặng cho số 0875 được lấy từ hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng công chứng cùng một số tài liệu liên quan khác kèm theo hợp đồng.

Tiến hành trưng cầu giám định đối với Hợp đồng tặng cho số 0875 ngày 30-11-2014 do NVB nộp tại Tòa án có các nội dung bị làm giả cụ thể như sau:

Tại Bản kết luận giám định số 169/C09-P5 và Công văn số 169A, cùng ngày 28-6-2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ ký “L” dưới các

trang 2, 3 so với chữ ký, chữ viết của L không phải do cùng một người ký, viết ra. Dấu vân tay không được lấn trực tiếp, là dấu vân tay được in bằng phương pháp in laser.

Tại Bản kết luận số 95/KLGĐ ngày 20-11-2019 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên “NVB” tại mục “Bên được tặng cho” là chữ viết, chữ ký của NVB;

Tại kết luận số 510/C09-P5 ngày 21-4-2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Chữ ký đứng tên NLQ1 dưới mục “Văn phòng công chứng P so với chữ ký của NLQ1 không phải là do cùng một người ký, viết ra.

Tại kết luận số 3279/C09 ngày 30-9-2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Hình dấu giáp lai trên tài liệu hợp đồng do NVB nộp có nội dung “*Văn phòng công chứng P*” được đóng dấu cùng một lần;

Tiến hành truy nguyên chữ ký để tìm đối tượng làm giả cũng tại Kết luận số 3279/C09 ngày 30-9-2020 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Không có căn cứ xác định sự đồng nhất chữ ký của những người làm việc tại Văn phòng công chứng NLQ1 như: NLQ2, M, N, O, P và NVB với mẫu cần giám định trên bản Hợp đồng do NVB nộp.

Tại phiên tòa NVB đã khai nhận về hành vi sử dụng bản Hợp đồng công chứng giả để nộp cho Tòa án làm tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình trong vụ án tranh chấp dân sự do anh NLC2 khởi kiện tại Tòa án quận Hồng Bàng. Khi nộp bản Hợp đồng trên cho Tòa án, bị cáo NVB biết và nhận thức rõ bản Hợp đồng trên được làm giả sau khi chị L đã chết. Mục đích bị cáo làm như vậy là để giữ tài sản cho hai cháu là N và O và một phần để lo chi phí chữa bệnh cho bà E chứ không có mục đích chiếm đoạt tài sản đó cho bản thân. Bị cáo có được bản hợp đồng là do NLC1 đã đưa cho bị cáo, còn nguồn gốc do đâu mà NLC1 có được thì bị cáo không biết.

Cáo trạng số: 16/CT-VKSHB, ngày 27-01-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã quyết định truy tố bị cáo NVB về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo NVB về tội danh và điều luật như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; tuyên phạt bị cáo NVB từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao NVB cho Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo NVB có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo và buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng 01 (một) giấy biên nhận ngày 18-7-2018 giữa NVB và NLC3; 01 (một) sổ công chứng năm 2014 của Văn phòng công chứng NLQ1.

Đối với ông NLQ1: Đã có hành vi giao nộp cho Tòa án quận Hồng Bàng một bản Hợp đồng công chứng tặng cho quyền sử dụng đất (bản lưu tại Văn phòng công chứng), ông NLQ1 thừa nhận do quản lý thiếu chặt chẽ nên không giải thích được đối tượng làm giả hợp đồng vì sao lại có chữ ký, con dấu của Văn phòng công chứng và vào thời điểm nào cũng không xác định được. Tài liệu điều tra thể hiện NVB không nhờ ông NLQ1 hay bất cứ người nào khác trong Văn phòng công chứng NLQ1 làm hồ sơ này; NVB và NLC1 cũng không có quan hệ quen biết với ông NLQ1 và những người hiện đang làm việc tại Văn phòng công chứng NLQ1, tài liệu điều tra chưa đủ để xác định ý thức chủ quan của ông NLQ1 khi ký lời chứng và nộp bản hợp đồng trên cho Tòa án nên chưa đủ căn cứ xử lý đối với ông NLQ1, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với NLQ2: Làm nhiệm vụ lưu trữ tại Văn phòng công chứng, được giao cho lưu trữ các loại hồ sơ, hợp đồng kể từ tháng 4-2012. NLQ2 không thừa nhận hành vi đã ký vào chữ ký đứng tên NVB tại phần “người nộp phiếu” của Phiếu yêu cầu công chứng mà chỉ chỉnh lý bổ sung hồ sơ để lưu trữ. Tài liệu điều tra không xác định được ý thức chủ quan cũng như động cơ, mục đích của NLQ2 đối với hành vi trên; NLQ2 không có mối quan hệ nào với NVB, NLC1 và NLC3. Vì vậy Cơ quan điều tra không có cơ sở để khởi tố.

Đối với NLC1: Là người mua hai căn nhà số 6/35 và 5/35 A, B, theo lời khai của NVB thì NLC1 là người cung cấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giả để NVB nộp cho Tòa án nhưng ngoài lời khai của NVB ra không có tài liệu khác chứng minh, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng NLC1 bác bỏ lời khai trên của NVB, vì vậy tài liệu điều tra chưa chứng minh được vai trò của NLC1 nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Đối với NLC3: Là người được NLC1 nhờ mua hai căn hộ 5/35 và 6/35 A và giao tiền cho NVB. NLC3 đã giao cho NVB và có làm giấy biên nhận để thể hiện việc đặt cọc, mua bán căn nhà giữa NLC3 với NVB. Quá trình điều tra chứng minh NLC3 không biết và không tham gia đến việc làm giả Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên không có căn cứ xử lý đối với NLC3.

Đối với đối tượng làm giả Hợp đồng công chứng tặng cho quyền sử dụng đất là căn nhà số 6/35 A, B, Hải Phòng, tài liệu điều tra hiện nay chưa xác minh được nên Cơ quan điều tra tiếp tục tách ra điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Nội dung lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ về hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên được phân công điều tra vụ án, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện, tuân thủ đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án đều hợp pháp.

Về tội danh và áp dụng hình phạt:

[2] Chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa NVB đã khai nhận về việc sử dụng bản Hợp đồng công chứng số 0875 ngày 30-11-2014 được làm giả để nộp cho Tòa án làm tài liệu chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích của mình trong vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế do anh NLC2 là người đại diện hợp pháp cho hai con chưa đủ 18 tuổi khởi kiện tại Tòa án quận Hồng Bàng. Khi nộp bản Hợp đồng tặng cho nêu trên cho Tòa án, bị cáo NVB nhận thức rõ và biết được nội dung của bản Hợp đồng trên là được làm giả và được làm sau khi chị L (là người có tên trong hợp đồng) đã chết. Mục đích bị cáo làm như vậy là nhằm để giữ tài sản cho hai cháu là N và O và một phần để lo chi phí chữa bệnh cho bà E chứ không có mục đích chiếm đoạt tài sản đó cho bản thân. Bản hợp đồng trên là do NLC1 đã đưa cho bị cáo, còn nguồn gốc do đâu mà NLC1 có được thì bị cáo không biết.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án

[4] Tại phiên tòa NLC1 vắng mặt. Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho đối chất giữa NVB và NLC1 nhưng NLC1 bác bỏ toàn bộ lời khai của NVB về việc NLC1 là người đã cung cấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giả để NVB nộp cho Tòa án. Ngoài lời khai của NVB ra thì cũng không có tài liệu nào khác để chứng minh và xác định NLC1 là người đã cung cấp cho bị cáo NVB bản hợp đồng được làm giả.

[5] Bị cáo NVB đã có hành vi sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức mà cụ thể là việc bị cáo đã mang bản Hợp đồng tặng cho tài sản giả của Văn phòng Công chứng NLQ1 để giao nộp cho Tòa án nhằm để lừa dối Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án dân sự mà bị cáo là đương sự trong vụ án đó. Mục đích mà bị cáo thực hiện hành vi nêu trên cũng chỉ vì mong muốn giữ lại tài sản cho các cháu và mẹ để đang đau ốm. Do đó đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo NVB đã phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Do vậy Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, truy tố bị cáo NVB

về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính nguy hiểm do hành vi của mình gây ra những vẫn thực hiện hành vi nêu trên với lỗi cố ý trực tiếp nên cần phải được xử lý nghiêm.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 của Điều 51 Bộ luật Hình sự như đã phân tích tại mục [7] và mục [8]. Mặt khác, xét bị cáo hiện đang được tại ngoại và có nơi cư trú rõ ràng, nên thấy không cần thiết phải buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà chỉ cần cho bị cáo được hưởng án treo để cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục và đấu tranh phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy tại phiên tòa bị cáo khai làm công việc tự do nhưng thu nhập ổn định khoảng 6.000.000 đồng/tháng nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 10.000.000 đồng đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) Sổ công chứng năm 2014 của Văn phòng Công chứng NLQ1 và 01 (một) Giấy biên nhận tiền đặt cọc ngày 18-7-2018 giữa bị cáo NVB và bà NLC3. Xét thấy đây là những tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc điều tra, xử lý tiếp theo đối với các đối tượng liên quan nên cần được trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Đối với ông NLQ1 đã có hành vi giao nộp bản Hợp đồng công chứng tặng cho quyền sử dụng đất cho Tòa án quận Hồng Bàng (bản lưu tại Văn phòng công chứng), ông NLQ1 thừa nhận do quản lý thiếu chặt chẽ nên không giải thích được đối tượng làm giả hợp đồng vì sao lại có chữ ký, con dấu của Văn phòng công chứng và cũng không xác định được vào thời điểm nào. Tài liệu điều tra thể hiện NVB không nhờ ông NLQ1 hay bất cứ người nào khác trong Văn phòng công chứng NLQ1 làm hồ sơ này; NVB và NLC1 cũng không có quan hệ quen biết đối với ông NLQ1 và những người hiện đang làm việc tại Văn phòng công chứng NLQ1, tài liệu điều tra chưa đủ để xác định ý thức chủ quan của ông NLQ1 khi ký lời chứng và nộp bản hợp đồng trên cho Tòa án nên chưa đủ căn cứ xử lý đối với ông NLQ1 nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[13] Đối với NLQ2 làm nhiệm vụ lưu trữ và được Trưởng văn phòng Công chứng giao cho lưu trữ các loại hồ sơ, hợp đồng kể từ tháng 4-2012. NLQ2 không thừa nhận hành vi đã ký vào chữ ký đứng tên NVB tại phần “người nộp phiếu” của Phiếu yêu cầu công chứng mà chỉ chỉnh lý bổ sung hồ sơ để lưu trữ. Mặt khác tài liệu điều tra không xác định được ý thức chủ quan cũng như động cơ, mục đích của NLQ2 đối với hành vi trên; NLQ2 không có mối quan hệ nào với NVB, với NLC1 và NLC3. Vì vậy Cơ quan điều tra không có cơ sở để khởi tố.

[14] Đối với NLC1 là người mua hai căn nhà số 6/35 và 5/35 A, theo lời khai của NVB thì NLC1 là người cung cấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giả để NVB nộp cho Tòa án nhưng ngoài lời khai của NVB ra không có tài liệu khác chứng minh, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng NLC1 bác bỏ lời khai trên của NVB, vì vậy tài liệu điều tra chưa chứng minh được vai trò của NLC1 nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[15] Đối với NLC3 là người được NLC1 nhờ mua hai căn hộ 5/35 và 6/35 A, B và giao tiền cho NVB để mua nhà. NLC3 đã giao cho NVB và có làm giấy biên nhận để thể hiện việc đặt cọc, mua bán căn nhà giữa NLC3 với NVB. Quá trình điều tra chứng minh NLC3 không biết và không tham gia đến việc làm giả Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nhà số 6/35 nên không có căn cứ xử lý đối với NLC3.

[16] Đối với đối tượng làm giả Hợp đồng công chứng tặng cho quyền sử dụng đất là căn nhà số 6/35 A, B, tài liệu điều tra hiện nay chưa xác minh được nên Cơ quan điều tra tiếp tục tách ra điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[17] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo NVB 15 (*mười lăm*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 (*ba mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với NVB 10.000.000 (*mười triệu*) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo NVB cho Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hải Phòng, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo NVB có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án

treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự; Hủy bỏ Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số: 04b/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 02-02-2021 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã áp dụng đối với bị cáo NVB.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Hồng Bàng 01 (một) Sổ công chứng năm 2014 của Văn phòng Công chứng NLQ1 và 01 (một) Giấy biên nhận tiền đặt cọc ngày 18-7-2018 giữa bị cáo NVB và bà NLC3.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận giữa Công an quận Hồng Bàng và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng ngày 05-02-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo NVB phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***(Đã giải thích về chế định án treo đối với bị cáo NVB)***

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Kiên**